



## PHẬT GIÁO KHMER ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

Kiên Đạt

### Tín ngưỡng cư dân Khmer Nam Bộ

Cư dân Khmer trong vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng như vùng Đồng Nai với người Khmer tại Campuchia là cùng chung chủng tộc, sống trong hai quốc gia khác nhau; thì trước kia đã có một thời gian khá dài chung sống trong cộng đồng Vương quốc Phù Nam; sau đó đến thế kỷ thứ sáu thì hợp lại trong cộng đồng Chân Lạp, và kéo dài cho đến thế kỷ thứ XVIII. Trên một bình diện khác, nền văn hoá truyền thống Khmer một khi đã chịu những ảnh hưởng văn hoá Java, Malaysia, Thái Lan, Môn và những yếu tố gốc Ấn Độ, đã hình thành từ lâu, trước khi những diễn biến lịch sử cách đây mấy thế kỷ. Từ đó phân chia ra làm hai khối khác nhau: Khối Khmer đồng bằng sông Cửu Long và khối Khmer Campuchia. Mỗi khối do môi trường chính trị và văn hoá khác nhau cho nên cũng theo một hướng đi riêng biệt. Vào thập niên 30 của thế kỷ XX, Liên bang Đông Dương được thành lập trong thời đô hộ Pháp, họ mới có cơ hội giao lưu với nhau, nhưng chỉ giao lưu trên phương diện hình thức mà thôi.

Phật Giáo Tiểu Thừa trong quá khứ và hiện nay là tôn giáo chính, chi phối những sinh hoạt tinh thần của người Khmer. Tuy nhiên, trước khi đạo Phật du nhập trong đất nước này, đã tồn tại một hệ thống tín ngưỡng phản ánh nền văn hoá bản địa. Ngày nay, các tín ngưỡng dân gian đó chỉ còn lưu lại chút ít tàn dư hay pha trộn với những tập tục tín ngưỡng, phong tục khác. Vấn đề tô tem giáo cũng được nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Khmer đề cập đến. Những khai quật cho biết: do điều kiện sinh hoạt của tộc người Khmer từ trước, còn phụ thuộc vào thiên nhiên là cư dân ở trên những vùng đất chinh phục từ đầm lầy, cho nên người Khmer đã sớm xem loại bò sát - tiêu biểu là rồng, hay biến thể của rồng - là tô tem của tộc mình.

Người Khmer thường truyền tụng đến câu chuyện kết hôn giữa Preah Tgôn và Néang Neak từ xa xưa, xem là điển hình của phong tục, tín ngưỡng, tập quán. Những nghi thức trong đám cưới cổ truyền của Khmer, như tục nhuộm răng, cắt quy đầu... đều in đậm dấu vết về Tô tem giáo của họ. Cho đến nay người Khmer vẫn còn giữ lại tinh thần tín ngưỡng vật tổ. Nhiều ảnh hưởng của Bà La Môn giáo sau đậm trong địa hạt này; chẳng hạn như rắn thần naga được lưu truyền cho đến nay trong tín ngưỡng và văn hoá. **rắn thần Naga trong truyền thuyết là "tổ tiên" của người Khmer.** Những lễ tục, diễn xướng liên quan đến rắn thần được thể hiện trong nhiều hội lễ nhất là trong lễ cưới gia của tuổi thành niên Khmer. Rắn thần lại còn được xem là niềm tin và nguồn may mắn, được thể hiện trên điêu khắc chùa chiền, trên các phù điêu đền tháp, trên

những nông cụ. **Chim Krut cũng là một biểu tượng khác về vật tổ. Thành thử trong những hình thái sinh hoạt bình thường, không được dùng rắn Naga và chim Krut một cách bừa bãi.**

Một số chùa còn thờ thêm **thần Arak**. Đối với người Khmer, thì Arak có nghĩa là những loài ma quỷ với ý nghĩa khác. Người Khmer quan niệm: Arak là thần tổ của dòng họ 7 đời (?), đã biến thành ma quỷ thiêng liêng, nhưng lại có khả năng bảo vệ cho cuộc sống cá nhân và gia đình họ. Arak thường trừ khử hết những loại ma ác độc. Arak là một nhân thần phái nữ đã chết, có những tên họ cụ thể, có huyền thoại, đồng thời mỗi vị lại có những nghi thức cúng lễ khác nhau, được ghi trong Thánh Lễ. Để thông đạt với Arak, phải dùng đến đồng bóng. người lên đồng gọi là Rup Arak, tức là truyền thông với thần linh. Nhiều đàn bà trở thành các "Rup Arak" chuyên nghiệp. Họ lên đồng để chữa căn bệnh của kẻ yếu đau, hay để thoát những tai ương xảy ra bất thường. Ảnh hưởng tín ngưỡng Neak Ta thời cổ lưu lại không nhỏ. Theo nguyên nghĩa thì Neak là con người nói chung; Tà là người đàn ông đứng tuổi. Hai chữ hội lại thành ý niệm về những vị thần linh. Neak Tà được biểu hiện ra Neak Tà Meha Sros là vị thần cầm đầu trong các Phum Sóc, Neak Tà Watt là vị thần của chùa chiền đền miếu, Neak Tà Ra Chay là thần của ao hồ, ngã ba sông, Neak Tà Sâm Rông là thần của cây trôm, Neak Tà Đom Chreay là thần cây đa, cây đề.

Qua những hình tượng trên đây cho thấy người Khmer thường có xu hướng thờ Bách Vật Giáo từ thời nguyên thủy còn lưu lại Neak Tà là thần bảo hộ. Những ngôi chùa Khmer đều có dựng lên thần bảo hộ. Người Khmer có tục lệ thờ cúng Arak và thờ cúng Neak Tà, hình thức của vị thần bảo hộ. Khi thờ cúng, đồng bóng là nghi lễ không thể thiếu. Arak có mặt bảo vệ trên nhiều phương diện: bảo hộ gia đình, bảo hộ đất đai, bảo hộ làng mạc, ruộng nương. Neak Tà là vị thần bảo hộ cho thôn xóm tương tự như Thành Hoàng. Mỗi năm đều tổ chức lễ cúng vị Neak Tà rất trang trọng. Người Khmer phân chia ra bốn loại Neak Tà khác nhau: Loại Neak Tà có tên gọi những vật trong thiên nhiên, tên thực vật hay tên của một đặc thù địa lý - Loại Neak Tà mang tên người - Loại Neak Tà mang tên các vị thần Bà la Môn - Loại Neak Tà tại chùa chiền.

**Thành thử trong tín ngưỡng "Neak Tà" của người Khmer có đầy đủ các quan hệ tín ngưỡng đa dạng, từ tín ngưỡng vạn vật hữu linh cho đến tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các thần trong đạo Bà La Môn và chư Phật trong Phật Giáo.** Người bình dân Khmer hiện nay vẫn còn sùng bái những vị thần trong Bà La Môn: Brahma, Vichnu, Siva, Indra, được đặt dưới những danh xưng: Prek Norey, Prek Proum, Prek Em, Prek Puon Nuk... những di chỉ khai quật tại Ốc Eo và tại Đồng Tháp có nhiều bức tượng của những vị thần này. Hiện nay, những tàn dư của Bà La Môn Giáo chỉ tồn tại trong những nghi lễ đồng bóng.

Trong việc phát triển Phật Giáo ở miền Nam, không thể không đề cập đến Phật Giáo Nam Tông từ đất Cao Miên truyền bá sang theo con đường bộ. Như vậy, từ thế kỷ thứ XVII trở đi, Phật Giáo đã theo nhiều hướng tiến đến vùng đất này. Tại đây, những hệ phái chính gồm có: Bắc Tông, Nam Tông và Phật Giáo Khất Sĩ. Địa bàn phát triển của miền Nam Việt Nam được phân chia ra làm ba khu vực mang những đặc tính sinh hoạt khác nhau: khu vực miền Đông Nam Phần, vùng Sài Gòn Gia Định và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đất miền Nam vốn là nơi cư trú và sinh hoạt của nhiều cư dân khác nhau: Người Việt, Người Hoa, người Khmer, người Chăm - Pa... Với một vị trí đặc biệt, qua những biến chuyển lịch sử, vùng đất miền Nam đã trở thành nơi xảy ra những cuộc giao lưu văn hoá của nhiều cộng đồng cư dân. Thành thử, trong phạm vi tôn giáo – tín ngưỡng cũng có những sắc thái đặc biệt. Những cuộc khai quật di chỉ văn hoá miền Nam trong mấy chục năm gần đây, khiến cho những nhà nghiên cứu muốn phác thảo lại lịch sử thành lập cũng như sinh hoạt cư dân thời cổ:

Những di chỉ được khai quật tại những vùng Cầu Sắt (cách nay khoảng 5,000 năm) vùng Núi Gốm vào thời đại đồ đồng (2,000 năm trước Công nguyên) vùng Dốc Chùa

của nền văn hoá đồng thau (3,145 cách ngày nay). Con người trong những giai đoạn này phải tập trung sống trong những vùng đất cao. Những khu mộ cổ, những di tích cư trú cho thấy con người thời kỳ này phải vất vả lắm mới thích nghi với thiên nhiên. Họ cố vươn xuống sinh hoạt trong vùng đồng bằng, để ổn định cuộc sống hơn. Những thế kỷ đầu Công Nguyên, sự ra đời của nền văn hoá Óc Eo là tiến bộ lớn. Thế là từ lúc này choi đến thế kỷ thứ VIII, đã đánh dấu được một bước tiến dài trong cuộc chinh phục đồng bằng sông Cửu Long. Đến đầu thế kỷ VIII, văn hoá Óc Eo bắt đầu tàn lụi. Chân Lạp thay thế vị trí Phù Nam.

Vào thế kỷ XIII, trong thời đại Angkor huy hoàng, khuôn mặt mới của đồng bằng sông Cửu Long đã "những cửa rộng của con sông lớn chảy dài hàng trăm dặm, bóng mát um tùm... tạo thành nhiều chỗ trú ngụ xum xuê" (trích Chân Lạp Phong Thổ Ký - Châu Đạt Quan). Năm Giáp Tý 484 khi vua Kaundinya Jayavarman sai thiên sư Nagasena sang Trung Quốc, đạo Phật đã dựng cơ sở tại vùng đất Phù Nam. Năm 539: dưới triều vua Rudravarman, triều đình liên tiếp cử nhiều phái đoàn sứ thần sang Trung Hoa, tiếp nhận nhiều Phật tích. Dưới triều đại Kaundinya và Rudravarman, Phù Nam đã xây chùa, tạc tượng rất nhiều. Những cuộc khai quật cho thấy tại làng Phong Mỹ (Sadek) tượng đức Thích Ca đứng bằng gỗ mù u. Tài liệu được đoán định vào thế kỷ IV. Năm 1943 phát hiện tại Cái Tàu Hạ (Mỹ Tho) tượng Phật đứng bằng gỗ sao. Tài liệu được đoán định có niên đại thế kỷ II. Năm 1944 phát hiện tại Đá Nổi (Rạch Giá) tượng Phật đứng, không đầu. Tài liệu được đoán định thuộc thế kỷ V. Năm 1945: phát hiện tại làng Bình Hoà (Vàm Cỏ) tượng Phật bằng gỗ sao. Tài liệu được đoán định thuộc thế kỷ VI. Di vật Hội Sơn và Phụng Sơn (Sài Gòn): tại nền của ngôi chùa cổ này, tìm thấy những tượng Phật bằng đồng. Di vật của vùng đất Thủy Chân Lạp. Ngoài ra, có nhiều di vật Phật Giáo cổ xưa phát hiện được qua các lần khai quật khảo cổ học tại Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Long An, Tây Ninh. Những nhà nghiên cứu xác định: trước khi có những lưu dân từ vùng Thuận Quảng vào miền Nam Việt Nam, thì tại đây, đạo Phật, Bắc Tông lẫn Nam Tông đã bành trướng.

## **Tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong ý thức hệ xã hội của người Khmer.**

Theo thống kê của Phật Giáo Việt Nam thì trong toàn miền Nam có 419 ngôi chùa Khmer, với khoảng 11,000 sư. Ngôi chùa người Khmer trở thành trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng này. Cộng đồng của tộc người Khmer theo Phật Giáo hệ phái Nam Tông, từ trước đã phân chia ra làm ba giáo phái chính. Những giáo phái này đã ảnh hưởng cơ cấu tổ chức của Phật Giáo ở Kampuchia, gồm: giáo phái Mohanikay, giáo phái Thommayutt và giáo phái Theravada.

Theo tài liệu trong "Người Việt gốc Miên" (1969) thì: Miền Nam Việt Nam có 482 chùa theo phái Mohanikay, 18 chùa theo phái Thommayutt; giáo phái Theravada do Sơn Thái Nguyên thành lập năm 1957. Từ đó toàn thể sư sãi Khmer đều thuộc giáo phái này. Tuy nhiên, bộ Nội Vụ VNCH trước đây vẫn chưa chấp thuận giáo phái này. Năm 1964, khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Viện Hoá Đạo chỉ nhận giáo phái Theravada là đại diện cho giới sư sãi người Việt gốc Miên tại Trung ương. Những chùa chiền người Khmer ở các tỉnh vẫn giữ nguyên giáo phái chính của mình.

Về hệ thống tổ chức cơ sở của Phật Giáo Khmer như sau: Giáo hội trung ương nắm toàn quyền về tổ chức và hành chánh. Giáo hội cấp tỉnh có Hội đồng kỷ luật sư sãi (Salakon), do vị Mekhon ứng đầu. Ở giáo hội cấp huyện có Anukhon và khu vực xã thì có Upachhlea. Từng chùa thì có Sãi Cả trụ trì; dưới Sãi cả có hai Sãi phó và một vị Achar chuyên dạy giáo lý. Những tu sĩ trong chùa được phân chia ra làm 2 bậc: đại đức và hoà thượng. Những tu sĩ đã thọ 227 giới được gọi chung là Tỳ Kheo (Bikkhu). Dưới cùng là lớp Sa di. (Trần Hồng Liên - 1996)

## Kiến trúc chùa Khmer

Nhìn chung, mỗi ngôi chùa người Khmer trong vùng đồng bằng sông Cửu Long đều có một giá trị cao về giá trị mỹ thuật Phật Giáo. Một ngôi chùa Khmer là sự tổng hợp hài hòa về những yếu tố tạo hình, tạo dáng, điêu khắc, kiến trúc, hội họa. Một ngôi chùa Khmer thường được kiến lập trên một khu đất khá rộng rãi trong mỗi địa phương. Có nhiều khu vực chực rộng đến hàng chục mẫu tây. Với cảnh quan đó, chung quanh một ngôi chùa thường trồng nhiều loại cây to như thốt nốt, dầu, sao, những cây đặc sản miền Nam. Mỗi ngôi chùa Khmer thường bao gồm nhiều khu vực kiến trúc như: khu chánh điện, sala, nhà tăng, nhà tu thiền định, nhà thiêu hương và những tháp thờ. Trước chùa thường là cổng (tam quan) trang trí hoa văn theo kiểu kiến trúc đền tháp Kampuchia. Vì là nơi cúng bái, hành lễ và cầu đảo, cho nên chánh điện giữa vị trí trung tâm của ngôi chùa. Những nền chùa Khmer thường được xây cất hơn mặt đất thường là một mét; phần để gia tăng về tôn nghiêm; phần để tránh mùa lũ lụt.

Chánh điện chùa Khléang tại thị xã Sóc Trăng (1533) có ba bậc: mỗi bậc được bao quanh bằng một vòng rào xây bằng gạch. Những hàng rào đều theo đúng các hướng đông, tây, nam, bắc; mỗi hướng đều có cửa ra vào, trang trí mỹ thuật. Bên cạnh cổng vào là những ngôi tháp nhỏ, mỗi loại điêu khắc và kiến trúc theo mỗi thể điệu khác nhau. Cũng như những ngôi chùa Khmer khác, chùa Khléang có sân rất rộng, thường dùng để tổ chức những ngày lễ lớn thường diễn ra trong mỗi tháng. Khu chánh điện nằm vào trung tâm của toàn bộ quần thể này. Nền nhà được cất cao hẳn lên, và phân chia thành ba cấp bậc có những bố cục hoàn toàn khác nhau. Khu vực này được phân ra thành bốn phần, được quay hẳn về bốn hướng ra vào khác nhau. Mỗi hướng giành riêng cho mỗi hạng người khác nhau vào chùa, từ vị trụ trì đến chư tăng, thiện nam tín nữ và những người phục vụ trong chùa.

Cũng nhờ kỹ thuật bố trí khá hoàn chỉnh cho nên từ ngoài nhìn vào sẽ thấy ngôi chánh điện cao hẳn lên; điều này có thể phân biệt được với chùa chiền cổ truyền Việt Nam. Khung mái chùa uốn cao hẳn lên và được làm bằng loại gỗ quý, được đưa từ nhiều vùng khác đến. Mái chùa được phân ra làm ba phần bọc quanh nhau và những góc cạnh đều được trang trí và điêu khắc rất công phu. Những nhánh cao vút lên ở những góc mái, mang hình tượng Vichnou cổ truyền. Chung quanh chùa có nhiều cột cao san sát nhau tạo ra một hình tượng vững chãi và kỳ bí hẳn. Ba lớp la thành bọc quanh chiến phần lớn sân chùa, khiến cho du khách tưởng tượng đến những hạn chế từng vùng riêng biệt, mà nghi thức người Khmer thường đưa ra cho mọi tín đồ đến hành lễ.

Đặc biệt nhất là những hình tượng Krud, tức là hình người đầu chim, một biểu trưng về "vật nhân nhất thể". Ảnh hưởng Corinthien và Dorothen của Hy Lạp thể hiện rõ nét nhất trong những mô hình này. Trong điện thờ và nhà Tổ có nhiều bao lam; những bao lam này vươn lên cao vút lên tận mái nhà. Tất cả những chi tiết này đều được chạm trổ, điêu khắc lẫn hội họa; màu sắc rực rỡ và được chiếu sáng rực hẳn lên (Nguyễn Quảng Tuân - 1990)

Mái chùa Khmer là phần kiến trúc và trang trí nổi tiếng trong toàn bộ, cấu trúc khá phức tạp và độc đáo. Khung mái thường dùng toàn loại gỗ quý, lợp ngói. Có một số chùa lớn toàn thể bộ mái được đúc liền bản xi măng và cần gạch nhiều màu (như ngôi chùa Srâ Lâung, ở xã Đại Tâm, Sóc Trăng).

Thông thường trong kiến trúc bộ mái chùa Khmer gồm có ba cấp; mỗi cấp mái lại chia làm ba nếp. Nếp cần ở giữa thường lớn nhất và trang trí tinh vi nhất; còn hai nếp phụ ở hai bên cân đối, hài hòa. Hai mái trên cùng lợp lại hợp thành góc 60 độ (Theo Lê Đất Thảng- 1988). Hai đầu trống ở hai đầu mái được đóng bít bằng một mảnh gỗ hình tam giác, được gọi là "Hô Cheang". Phần này thường được khắc họa và trang trí rất đẹp. Trên đầu hai góc mái trên cùng thường có một khúc đuôi rắn dài và con vút; nhờ vậy, trông đầu mái có cảm giác nhẹ nhàng hẳn lên.

Trên hai mái trên cùng này, ở phần giữa, thường xuất hiện một ngọn tháp cao vút (có chùa đến ba ngọn tháp như chùa "Tắc Gồng" (Brasat Kông tại xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên). Nắp tháp to lớn, có hình một quả chuông úp xuống, gồm có nhiều tầng chồng lên nhau. Phía trên, có đặt một đầu tượng bốn mặt là vị thần "Maha Prum", như tại chùa Bãi Xài (Mỹ Xuyên); trên cùng lại có đặt thêm một cột thu lôi cao vút. Trên đầu góc của hai tầng mái dưới, thường thấy xuất hiện rất nhiều đầu con rồng (theo họa tiết Khmer); thân rồng là một bờ dẫy, giương lên nhiều vi lưng. Những tài liệu của Malleret cho biết: trong những thế kỷ trước, chùa tháp Khmer không có tháp nóc; kiểu tháp nóc này do ảnh hưởng của nền kiến trúc Phật Giáo Thái Lan hay Miến Điện sang. Trong điện thờ và nhà Tổ có nhiều bao lam; những bao lam này vươn lên cao vút lên tận mái nhà.

Tất cả những chi tiết này đều được chạm trổ, điêu khắc lẫn hội họa; màu sắc rực rỡ và được chiếu sáng rực hắt lên. Trên bàn thờ chính có nhiều tượng Phật trong những tư thế và giai đoạn khác nhau trong đời của Ngài, từ khi đản sinh cho đến hồi nhập diệt: ít nhất là 20 thế hình như thế. Sau mỗi pho tượng có đầu ghi chú xuất xứ của pho tượng và người mang tượng đến cúng chùa.

Trong chùa không có những tượng Kim cương, tuy nhiên, ở những cửa ra vào thì được chạm nổi những hình Theanin và Reahu trông rất dữ dằn. Thậm chí những hình Tiên Nữ trên cửa hay trên cột trông cũng rất hung tàn, trong tư thế chiến đấu. Chánh điện của chùa Khmer chiếm hầu toàn phần lớn và vị trí quan trọng từ ngoài vào. Đây là gian phòng dùng trong việc hành lễ, thờ phụng, cầu đảo, truyền đạo, hành đạo. Thông thường, cách bài trí chánh điện đơn giản, nhưng không kém phần trang nghiêm. Trên bệ chính cao nhất, có nhiều tầng, đặt pho tượng Phật. Những tượng Phật của chùa Khmer thường quay về hướng đông. Giải thích về chọn phương hướng này, kinh điển Khmer cho rằng: Phật Tổ ở phương tây thì bao giờ cũng quay về hướng đông, để phổ độ chúng sanh. Phần bệ tượng chính thường khắc họa, trang trí một toà sen rộng lớn, chia nhiều bậc và mỗi bậc đều có nhiều hoa văn trang trí mỹ thuật. Bệ tượng thường là một toà sen và có nhiều bậc, được trang trí tỉ mỉ. Trên bệ gồm một tượng Phật chính, thiết trí ở chính giữa; nhiều tượng nhỏ chung quanh.

Khác với những ngôi chùa Việt Nam và chùa Trung Hoa, những loại chùa Khmer chỉ thờ đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, không thờ các vị Phật, Bồ tát khác như đức Quán Thế Âm Bồ tát, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, hay các vị Kim Cương, La Hán và các Bồ tát khác. Toàn thể tượng và bệ tượng thường đặt phía sau một cái khuôn lớn, có chạm khắc những mẫu hoa văn, hình kỷ hà rất tinh vi. Nổi bật nhất hiện nay là ngôi chùa Srâ Lâung, còn bảo lưu nhiều khung bằng gỗ, có những hình chạm trổ rất đẹp.

Những kỹ thuật chạm khắc gỗ tại chùa này được thể hiện qua những khung hình rất sắc sảo. Trong bố cục, phần chánh điện thường được xây một nơi riêng biệt, cách xa hẳn các dãy sala và nhà tầng, nhà hậu. Những kiến trúc chùa chiền Khmer, thì sala là ngôi nhà xây đầu tiên khi dựng chùa; sala cũng được là kiểu "nhà hội" của Phật tử, giảng đường của những sư sãi. Sala cũng là nơi tiếp khách trong những ngày đại lễ Phật Giáo; có nhiều trường hợp sala được ngăn chia thêm những gian phòng nhỏ cho chur tầng hay nơi ngụ tạm cho khách thập phương (Lịch sử chùa Khmer - Trang 112)

Trong sala, phần trung tâm vẫn có bàn thờ Phật nhưng đơn giản hơn, và trong bố cục này thì sala phải hướng về phía đông như bao nhiêu chánh điện khác. Theo tổ chức, sala kiến tạo đơn giản hơn phần chánh điện. Nhìn tổng thể, thì những sala hiện có ở những ngôi chùa Khmer miền Nam Việt Nam hiện nay, tất cả đều được xây dựng theo quy cách hiện đại; ngày trước sala chỉ là ngôi nhà sàn nhỏ bé.

Thiết trí: Cách thiết trí của sala không giống như chánh điện. Sala gồm có: phòng chính để cử hành lễ dâng cơm, nơi tổ chức sinh hoạt, phòng tiếp khách, nơi tổ chức phòng nhạc ngũ âm tế lễ. Tại chùa Bãi Xâu (Mỹ Xuyên) sala còn có thêm một dãy nhà khách. Nơi đây thường tổ chức chúng thập loại chúng sinh, trai đàn chẩn tế. Theo tập

tục của người Khmer, nhất là trong tổ chức của tín đồ Phật Giáo, người chết được hoá táng tại nhà thiêu. Việc xây cất nhà thiêu không theo một quy định nào.

Trên nguyên tắc, nhà thiêu chỉ là gian phòng nhỏ, thông gió, để áo quan, cách xa chùa, trên có ống thông khói khi hỏa táng. Cũng có những kiểu nhà thiêu khác; chẳng hạn như tại chùa Phưón (Trà Vinh) nhà thiêu có hình dáng cấu trúc lớn, với diện tích rộng, nền cao, ống thông lớn. Mái nhà thiêu lại có nhiều tầng, xếp chồng lên nhau. Trên mỗi đầu góc mái đều có trang trí hình rồng. Nhà thiêu Khmer trông giống như kiểu đền thờ linh vật của Chăm - Pa. Kiểu này chia hai phần: phần dưới là nhà thiêu; phần trên là ống khói. Trong khu vực chung quanh chùa Khmer, thường có những loại tháp lớn nhỏ đủ kiểu và loại khác nhau. Đây là những tháp để cốt. Những loại tháp này thường được cấu trúc ba phần: chân tháp khá rộng, hình vuông, có một lỗ nhỏ để cốt của người quá cố vào; thân tháp có nhiều tầng, nhỏ từ dưới lên trên; đầu tháp là những mũi nhọn, trên đỉnh thường để đầu thần có bốn mặt gọi là "Maha Prum". Phía trên đầu tượng này là cột sắt nhỏ, nhọn, có nhiều lông nhỏ. Còn những ngôi tháp lớn thì lưu lại cốt của các vị Sãi cả trong chùa, những người đã từng có công lao xây dựng và trùng tu, kiến thiết chùa. Những ngôi tháp lớn hơn dùng để cốt của những người dân trong Phum, Srok.

Hầu hết những cổng chùa Khmer thường được trang trí, điêu khắc tỉ mỉ và được xem là những công trình nghệ thuật nổi tiếng. Tuy nhiên, những kiểu dáng của các chùa không theo một khuôn mẫu nào nhất định. Chẳng hạn như cổng chùa Phưón được xây dựng rất đồ sộ; phần trên là ba ngọn tháp theo kiểu cổng đền Angkor, trang trí bằng những hoa văn rất đẹp; phần dưới cổng có hình con rắn 7 đầu, nằm trên bờ lan can. Những cổng chùa theo mô thức Chăm - Pa thì thường chạm khắc hình những người đua ghe Ngo.

Qua thống kê, những ngôi chùa cổ Khmer đến nay chẳng còn lại bao nhiêu; phần lớn đã được trùng tu hay xây dựng lại toàn thể. Qua nghiên cứu, thật khó khăn trong việc xác định niên đại của từng ngôi chùa. Những ngôi chùa Khmer có niên đại lâu đời nhất trong vùng đồng bằng sông Cửu Long như chùa Ông Mệt (Trà Vinh) chùa Bãi Xàu, chùa Khléang thì không lưu lại một phần tự. hầu hết đều được nhắc trong truyện kể dân gian. Những ngôi chùa cổ được trùng tu một phần hay toàn bộ, trong những thời kỳ khác nhau, tùy nhu cầu, phương tiện và giai đoạn thịnh suy.

Vật liệu xây dựng cũng tùy theo những yếu tố này, thay đổi khác nhau, kiểu dáng của khác nhau. Những ngôi chùa kiến tạo hay trùng tu về sau được dùng vật liệu bằng xi măng, sắt, gạch, nên ảnh hưởng không ít đến việc xây dựng và quy mô chùa. Thông thường, một ngôi chùa trùng tu lại không tuân thủ theo kiểu dáng cũ, theo quy tắc nào nhất định, có khi ngôi chùa trùng tu lại khác hẳn cơ sở chùa nguyên thủy.

Nhìn chung lại, những chùa chiến Khmer trong vùng đồng bằng sông Cửu Long đều không giống nhau về hình dáng, kích thước, nhưng lại giống về kiểu thức, nguyên tắc kết cấu..